TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **110**/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 18/3/2020
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Ngọc Tiến**
Bà **Nguyễn Thị Kim Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 03 năm 2020, tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2019, về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Q,** sinh năm: 1987 *(Có mặt)*
Thường trú: 436/77/11 đường F, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số 595/210 Chung cư 88 căn, đường F, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm: 1979 *(Vắng mặt)*
Thường trú: 436/77/11 đường F, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số 595/210 Chung cư 88 căn, đường F, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn H sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132, quyển số 01/2011 ngày 09/8/2011 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q và ông H có một người con chung tên Trần Hải A (nữ), sinh ngày 22/01/2015.

Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018, nguyên nhân là do tính tình và cách sống không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đầu năm 2019, bà Q đã nộp đơn ly hôn rồi lại rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn

nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn thường xuyên và lâu dài đã làm mất tình cảm, vợ chồng không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà Q nhận nuôi người con chung tên Trần Hải A và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Q và ông H có tài sản chung là căn nhà số 595/210 Chung cư 88 căn, đường F, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Hồ sơ gốc số 2958/ĐCNĐ do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/05/2003 đứng tên ông La Phát V và bà Phan Thị D, cập nhập đứng tên ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc Q ngày 10/01/2013.

Bà Q và ông H đã thế chấp căn nhà trên cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để vay tiền nên bà Q sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung với ông H khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Ngoài ra, bà Q xác định vợ chồng không còn khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Trần Văn H các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của ông H. Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 15/11/2019, ông H có gửi bản tự khai cho Tòa án đề nghị dời lịch làm việc vào thời gian khác do bận công tác và đề nghị xem xét vấn đề nuôi con, tài sản chung, nợ chung nhưng không ghi rõ cụ thể ý kiến. Hồi 14 giờ 00 phút ngày 15/11/2020, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia hòa giải lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và bà Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung:

Bà Q, ông H đã thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và xóa thế chấp tài sản ngày 06/03/2020. Do đó hiện nay bà Q và ông H không còn nợ của ai.

Ông H đã nhận được các thông báo của Tòa án về việc đưa vụ án ra xét xử và cũng đồng ý ly hôn với bà Q nhưng ông H báo với bà Q là sẽ không đến tham dự phiên tòa, do đó bà Q đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

- Ông Trần Văn H: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố

tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Q được ly hôn với ông H; Giao người con chung Trần Hải A cho bà Q nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí ly hôn, bị đơn chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Q, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ ba cho ông Trần Văn H nhưng ông H vắng mặt. Xét thấy việc ông H vắng mặt tại phiên toà lần thứ ba không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 08/10/2019, Tòa án ra Thông báo số 520-1/2019/TB-TLVA đưa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do bà Q và ông H có vay tiền của Ngân hàng. Hiện nay, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xác nhận bà Q và ông H đã trả hết nợ vay nên không phải đưa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn H sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo bà Q thì từ đầu năm 2018, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do không hợp tính tình và quan điểm sống. Đầu năm 2019, bà Q đã nộp đơn ly hôn rồi lại rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống không có hạnh phúc, không thể hàn gắn nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông H. Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà Q, ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông H cũng không còn quan tâm đến

cuộc sống chung. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Q được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Q và ông H có một người con chung tên Trần Hải A (nữ), sinh ngày 22/01/2015. Bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét cháu Trần Hải A còn nhỏ, hiện tại do bà Q chăm sóc nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao cháu Trần Hải A cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Q yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Căn cứ sao kê giao dịch tài khoản của ông Trần Văn H từ ngày 01/01/2019 đến ngày 06/11/2019 do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng cung cấp thể hiện: ông H được chi trả tiền lương tháng 9/2019 là 39.298.000 đồng, tháng 10/2019 là 36.448.000 đồng. Theo quy định pháp luật, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà Q yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng là phù hợp với thu nhập hàng tháng của ông H cũng như đảm bảo được nhu cầu thiết yếu hàng ngày về học tập và sinh hoạt cho trẻ Trần Hải A. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Q yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2020.

- Về tài sản chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Q khai đã trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cũng có văn bản ngày 18/03/2020 xác nhận ông H, bà Q đã trả xong nợ cho Ngân hàng. Như vậy, ông H và bà Q không còn khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai khác nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng. Ông Trần Văn H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trần Hải A (nữ), sinh ngày 22/01/2015. Ông Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền vào ngày 18 (mười tám) dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Nếu ngày giao nhận trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày tiếp theo ngay sau đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Ngọc Q, nếu ông Trần Văn H không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông Trần Văn H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q không yêu cầu giải quyết. Tòa án không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q xác định bà Q và ông H không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai. Tòa án không xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2018/0017684 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Trần Văn H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P.11, Q.3
(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Huyền